TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày: 08-5-2019
V/v: Tr/ch HĐ hợp tác
và HĐ vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thu Hường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/TCDS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Xóm 4 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H*: Bà Đặng Thị Bích N, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Nhà N10 tập thể 212 T - phường X - quận B - thành phố Hà Nội

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Xuân H*: Luật sư Nguyễn Đình T– Công ty Luật TNHH Đại Hà thuộc Đoàn luật sư Hà Nội

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Xóm 8 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Xóm 4 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X*: Bà Đặng Thị Bích N, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Nhà N10 tập thể 212 T - phường X - quận B - thành phố Hà Nội

* *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xóm 9 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

2. NLC2, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Xóm 1 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân H trình bày: Gia đình ông và ông Nguyễn Minh C là hàng xóm thân quen nhau. Trước năm 2012 ông thường được ông C thuê lái xe ô tô theo ngày, mỗi ngày ông C trả công 300.000 đồng. Đến cuối năm 2012, ông H và ông C góp vốn buôn gỗ chung. Hai bên không thành lập Công ty mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tổng số tiền ông H góp vốn đến hết năm 2012 là 1.084.385.000 đồng. Khi thỏa thuận góp vốn làm ăn chung, 02 bên thống nhất sẽ thanh toán tiền gốc và lãi sau mỗi chuyến mua và bán gỗ. Trên thực tế ông C không thực hiện như đã thỏa thuận nên cuối năm 2015 ông H đã đề nghị được rút vốn không làm kinh tế chung nữa. Nhưng đến cuối năm 2016, 02 bên mới ngồi họp bàn, thống nhất một số khoản nợ, đến nay ông C vẫn còn nợ ông các khoản sau:

- Tiền góp vốn chung năm 2012 là 1.084.385.000 đồng, khi 02 bên thanh toán ông C và ông H thỏa thuận trả theo lãi suất 1,2%/01 tháng. Vì cần tiền trả nợ nên ông H đã chấp nhận, theo cách tính trên ngoài số tiền gốc, ông H còn được thanh toán 632.398.000 đồng lãi, đến nay ông C mới thanh toán cho ông H được 1.666.783.000 đồng, còn 100.398.000 đồng. Do ông H phải vào làm nhiều việc khác nhau nên ông H yêu cầu ông C phải thanh toán cho ông H thêm tiền công và tiền trách nhiệm mỗi tháng 20.000.000 đồng x 26 tháng = 520.000.000 đồng (tính từ tháng 10/2012 đến tháng 12/2014); Tiền lãi gỗ năm 2014 chưa thanh toán 107.271.000 đồng; Tiền lãi gỗ của năm 2015 chưa thanh toán là 35.176.000 đồng.

Về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, ngoài số tiền góp vốn buôn bán gỗ chung, ông H còn làm thủ tục vay 2.000.000.000 đồng ở Ngân hàng Công thương chi nhánh Nam Định để cho ông Nguyễn Minh C vay, đến nay ông C chưa thanh toán gốc và lãi cụ thể:

Lần 01: Ngày 08/10/2014, ông H vay Ngân hàng 1.000.000.000 đồng để cho ông C vay.

Lần 2: Ngày 08/10/2015, ông H tiếp tục vay Ngân hàng 1.000.000.000 đồng để cho ông C vay.

Tổng cộng các loại tiền ông H đề nghị ông Nguyễn Minh C phải trả là 2.762.845.000 đồng, ngoài ra còn phải trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng của 02 Hợp đồng tín dụng đã vay của Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Xuân H xin rút yêu cầu khởi kiện đòi ông C tiền công và tiền trách nhiệm số tiền 520.000.000đ, tiền lãi gỗ hai năm 2014 và 2015. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông C phải trả ông H 100.385.000 đồng tiền góp vốn kinh doanh gỗ và 2 tỷ đồng tiền ông H vay hộ ông C tại ngân hàng

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông công nhận giữa ông C và ông Nguyễn Xuân H có góp vốn kinh doanh gỗ như ông H trình bày. Tuy nhiên trong các ngày 22, 23, 24 và 25 tháng 11 năm 2016 giữa ông C và ông H đã họp bàn thống nhất chấm dứt kinh doanh chung, với sự chứng kiến của NLC1 và NLC2, ông C đã cho ông H lựa chọn cách thanh toán, thay vì chọn cách tính lãi qua mỗi lần mua chung gỗ với lý do tính như vậy lãi suất không có lợi cho ông H nên ông H đã chọn cách tính lãi theo lãi suất 1,2%/ tháng, số tiền gốc cộng lãi của từng năm chưa nhận, tiếp tục được cộng vào gốc của năm sau để tiếp tục tính lãi cách tính như sau:

Tiền góp vốn ban đầu 1.084.385.000 đồng – 635.000.000 đồng (tiền ông H đi thu nợ tiền bán gỗ chung năm 2013) + 541.000.000 đồng (tiền góp 2014) + 726.013.585 đồng (lãi) = 1.716.398.585 đồng. Khi tính toán theo bảng thanh toán ngày 26/11/2016 ông C đã trả cho ông H là 541.000.000 đồng, ngày 01/12/2016 trả 346.013.585 đồng và các ngày 06/12 /2016, ngày 12/01/2017 trả 449.385.000 đồng và 02 khoản thu nợ tiền bán gỗ từ khách 380.000.000 đồng có chữ ký của ông C và ông H, thì ông C đã thanh toán đủ gốc và lãi cho ông H là 1.716.398.585 đồng, ngoài ra ông C còn cho thêm ông H 100.000.000 đồng - số tiền ông H tự đi thu nợ ở khách hàng.

Về Hợp đồng vay tài sản, ông C công nhận có nhờ ông H vay ngân hàng 1.000.000.000 đồng, sau đó khoảng hơn hai tháng ông C đã đưa tiền mặt cho ông H đi thanh toán trả nợ ngân hàng, đến nay ông C đã thanh toán xong cho ông H - hai bên không còn nợ nần gì nhau nữa. Việc ông H có mang đi trả nợ ngân hàng hay không thì ông không biết, đến nay ông H khởi kiện ông C còn vay của ông H 2.000.000.000 đồng là không đúng. Vì 02 bên thanh toán các khoản tiền công nợ với nhau trong suốt quá trình góp vốn vay nợ và làm ăn chung với nhau theo từng năm và cùng thống nhất không còn khoản vay nợ này, ông H lợi dụng việc tin tưởng của ông C khởi kiện là điều vô lý, không có chuyện một khoản nợ to như thế ông H không nhớ, trong khi ông H còn yêu cầu ông C thanh toán từng nghìn một, khi thanh toán xong ông C còn cho thêm tiền ông H động viên ông H làm ăn vì khi đó ông H còn đang mải chơi bời cờ bạc. Sau khi 02 bên họp bàn thống nhất số tiền xong, 02 bên đã viết một biên bản cam kết không còn tranh chấp với nhau mọi giấy tờ khác với thỏa thuận đều không có giá trị. Do vậy, ông C đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

- Bà Nguyễn Thị X đứng về phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Việc hợp tác buôn gỗ chung giữa 02 bên chủ yếu giữa chồng bà (ông H) và ông C nên bà không biết. Tuy nhiên trong quá trình kinh doanh chung, ông C có vay tiền của vợ chồng bà nhiều lần, nhưng vay được thời gian thì ông C lại trả. Tuy nhiên, năm 2015 vợ chồng bà vay hộ ông C ở Ngân hàng Công thương 1.000.000.000 đồng là nhiều nhất, đến nay ông C chưa trả gốc và lãi cho vợ chồng bà nên bà đề nghị Tòa án buộc ông C phải thanh phải thanh toán khoản gốc và lãi cũng như các khoản khác như chồng bà khởi kiện.

Từ nội dung trên, tại bản án 59/2018/TCDS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 504, Điều 510, Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 102, Điều 217, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc buộc ông Nguyễn Minh C phải thanh toán 2.100.385.000 đồng (hai tỉ một trăm triệu ba trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền hợp tác làm ăn chung và tiền vay nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Xuân H phải nộp 37.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 60.622.500 đồng (tại biên lai thu tiền số 09072 ngày 05-10-2017 và biên lai thu tiền số 0002371 ngày 14-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu). Ông Nguyễn Xuân H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 23.622.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 22/11/2018, ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng yêu cầu ông Nguyễn Minh C phải thanh toán cho ông số tiền 100.000.000 đồng là tiền góp vốn ban đầu, lãi suất 1,5%/tháng từ ngày quyết toán 25/11/2016 và khoản tiền 2.000.000.000 đồng ông H đã vay hộ ông C tại ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm buộc ông Nguyễn Minh C phải trả cho ông Nguyễn Xuân H 100.398.000 đồng - là tiền hợp tác làm ăn chung và khoản tiền vay nợ 02 tỷ đồng cùng với tiền lãi - là tiền ông H đã đứng ra làm thủ tục vay Ngân hàng cho ông C.

Trong phần tranh luận, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn vì lý do đối với số tiền hợp tác làm ăn chung 100.398.000 đồng là tiền giữa ông H và ông C có thỏa thuận thống nhất chuyển một số khoản nợ từ các khách hàng còn nợ tiền trong quá trình ông H, C hợp tác làm ăn chung để cho ông H thu và được hưởng số tiền này, nhưng ông H chỉ thu được của vài người còn một số người không thể thu được vì họ cho rằng họ không nợ tiền ông H, mặt khác ông C đã có hành vi lời nói ngăn cản không cho những người này trả tiền cho ông H nên đến bây giờ ông H không thu được số tiền nợ này, do đó ông H buộc ông C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho ông H.

Đối với khoản tiền 2 tỷ đồng là do vợ chồng ông H đã đứng ra làm các thủ tục vay Ngân hàng làm hai lần, mỗi lần vay 01 tỷ đồng, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay này vào tài khoản của ông C, như vậy ông C là người được hưởng số tiền vay này. Hiện ông C chưa trả cho ông H số tiền này nên ông H yêu cầu ông C phải trả cho ông H toàn bộ số tiền 02 tỷ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng là có căn cứ. Ông C đưa ra ý kiến cho rằng đã trả ông H 01 tỷ đồng nhưng

ông C không đưa ra được tài liệu chứng cứ về việc trả tiền này nên ông H không chấp nhận.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày: Ông không chấp nhận đơn khởi kiện cũng như nội dung đơn kháng cáo của ông H vì ông C và ông H có hợp tác cùng làm ăn chung, trước khi kết thúc không hợp tác làm ăn chung thì hai bên đã bàn bạc đã thống nhất là chuyển một số khoản nợ của khách hàng còn nợ tiền trong quá trình ông H, Châu hợp tác làm ăn chung sang cho ông H thu và ông H được hưởng số tiền đó. Bản thân ông C cũng phải nhận trách nhiệm đi thu tiền nợ của một số khách hàng, hiện ông H cũng đã thu được một phần tiền nợ, số tiền chưa thu được nay ông H lại yêu cầu ông C trả tiền cho ông H - ông C không chấp nhận yêu cầu này. Về nội dung đơn của ông Mai Văn T ông H giao nộp cho Tòa án thì ông C thừa nhận những nội dung ông C nói với ông Mai Văn T là đúng vì khoản nợ của ông Mai Văn T giữa ông C và ông H đã thống nhất là thuộc phần nghĩa vụ thu của ông C chứ không phải của ông H.

Về khoản nợ 2 tỷ đồng ông H đòi ông C phải trả, ông C xác định chỉ có duy nhất 01 lần nhờ ông H làm thủ tục vay Ngân hàng cho ông C 01 tỷ đồng vào ngày 08/10/2014, vay trong khoảng thời gian hơn 2 tháng thì ông C đã trả trực tiếp đưa tiền cho ông H thành 2 lần mỗi lần 500.000.000 đồng để ông H trả Ngân hàng. Số tiền lãi 24.000.000 đồng đã được hai bên thanh toán cho nhau được thể hiện ở Bản đối chiếu công nợ năm 2014 ngày 24/11/2016. Ngoài khoản đó ra thì ông C không có vay của ông H hay là nhờ ông H vay hộ bất kì khoản tiền nào khác. Bà X vợ ông H cũng đã có lời khai thừa nhận ông C chỉ nhờ vợ chồng ông H vay hộ 01 lần số tiền 01 tỷ đồng ở ngân hàng.

Trong các ngày 22, 23, 24, 25/11/2016 ông H và ông C đã cùng ngồi đối chiếu các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi trong quá trình hợp tác làm ăn chung, có tính cả tiền lãi 24 triệu của số tiền vay ngân hàng 01 tỷ đồng, nếu theo ông H trình bày ông C còn nợ ông H 2 tỷ đồng thì không có lý do gì ngày 25/11/2016 ông H lại ký vào biên bản chốt các khoản tiền với nhau và thống nhất không còn tranh chấp gì nữa vì khoản tiền 2 tỷ đồng là một khoản tiền rất lớn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm, xét yêu cầu kháng cáo và các lý do phía nguyên đơn đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm thấy không có căn cứ pháp lý, vì trong các ngày 22, 23, 24, 25/11/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn đã cùng ngồi đối chiếu thanh toán chi tiết các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi theo từng mục, tính theo từng năm trong quá trình hợp tác làm ăn chung, sau đó lập thành biên bản các bên cùng ký, cuối biên bản cả hai bên còn xác nhận không còn tranh chấp gì nữa. Nay nguyên đơn khởi kiện và kháng cáo buộc phía bị đơn phải trả 100.398.000 đồng tiền hợp tác làm ăn chung, 02 tỷ tiền gốc cùng tiền lãi ngân hàng do nguyên đơn vay hộ bị đơn tại ngân hàng, là không có căn cứ pháp lý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Xuân H làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tranh chấp hợp đồng hợp tác: Theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H yêu cầu ông Nguyễn Minh C phải thanh toán cho ông số tiền 100.000.000 đồng tiền góp vốn với lãi suất 1,5%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 25/11/2016 giữa ông H và ông C đứng ra chốt các khoản công nợ, góp vốn, tiền lãi trong quá trình hợp tác làm ăn chung, hai ông đã tự thống nhất thỏa thuận để ông H đứng ra thu số tiền 150.000.000 đồng là khoản nợ của các khách hàng còn nợ tiền trong quá trình ông H và ông C hợp tác làm ăn chung, và thống nhất ông H được thụ hưởng toàn bộ số tiền này. Hiện ông H cũng đã thu được 50.000.000 đồng tiền nợ từ các khách hàng này. Nay ông H lại thay đổi thỏa thuận đòi ông C trả cho ông H 100.398.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng. Xét thấy các bên trong quá trình đối chiếu các khoản công nợ, góp vốn, tiền lãi trong quá trình làm ăn chung đã tự thỏa thuận thống nhất với nhau về việc thanh toán công nợ và số tiền được thụ hưởng, đã chốt thành biên bản hai bên cùng ký vào có người làm chứng, nay ông H tự thay đổi thỏa thuận mà không nêu được lý do chính đáng – nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H yêu cầu ông Nguyễn Minh C phải thanh toán cho ông số tiền gốc vay 2 tỷ đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng. Ông H trình bày về khoản tiền vay nợ này là do năm 2014 ông H đứng tên làm thủ tục vay ngân hàng cho ông C 1 tỷ. Sau khi vay được tiền, ông C không trả tiền lãi và tiền gốc, mà hàng tháng ông H phải tự bỏ tiền cá nhân ra trả lãi cho ngân hàng, sau đó đến hạn ông H còn phải vay tiền người thân để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Đến năm 2015 - vào thời điểm khi mà việc hợp tác làm ăn chung giữa ông H và ông C bắt đầu rạn nứt phát sinh mâu thuẫn, khi ông C chưa thanh toán 01 tỷ vay năm 2014, thì ông H lại tiếp tục đứng tên làm thủ tục vay ngân hàng giúp cho ông C 01 tỷ, sau khi vay tiếp 01 tỷ này ông C cũng không trả tiền lãi và gốc, mà hàng tháng ông H lại tiếp tục phải tự bỏ tiền cá nhân ra trả lãi cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông H và Châu đều thừa nhận trong quá trình hợp tác làm ăn chung từ năm 2012, giữa ông H và Châu có việc vay nợ của nhau để lấy tiền làm vốn kinh doanh chung. Đến năm 2015, việc hợp tác kinh doanh chung giữa hai ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên các ông đã tự thỏa thuận thống nhất không hợp tác làm ăn chung cùng nhau nữa. Trong các ngày 22, 23, 24, 25 tháng 11 năm 2016, ông H và ông C đã cùng nhau ngồi họp bàn đối chiếu các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi trong quá trình hợp tác làm ăn chung. Hai bên cùng đối chiếu thanh toán chi tiết các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi theo từng mục, tính theo từng năm. Việc đối chiếu thanh toán các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi trong quá trình hợp tác làm ăn chung giữa ông H và ông C có sự chứng kiến của hai người làm chứng là ông NLC1 và NLC2, sau đó lập thành biên bản các bên cùng ký, cuối biên bản cả hai bên còn cam kết "Biên bản đối chiếu công nợ và biên bản đối chiếu tiền lãi đã ký còn tất cả các giấy tờ khác đều không có giá trị. Hai bên xác nhận không còn tranh chấp gì nữa".

Như vậy, sau quá trình hợp tác làm ăn chung, ông H và ông C đã tự thỏa thuận thống nhất chấm dứt việc hợp tác làm ăn chung, hai bên đã ngồi cùng nhau đối chiếu thanh toán các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi, trong nhiều ngày, có sự chứng kiến của người làm chứng …., đã lập thành biên bản đối chiếu thanh toán công nợ, đã cam kết xác nhận hai bên không còn tranh chấp gì nữa.

Xét thấy lời trình bày của ông H về khoản nợ 02 tỷ đồng có nhiều điểm mâu thuẫn vì theo ông H trình bày: ông H đứng tên làm thủ tục vay ngân hàng cho ông C 01 tỷ vào năm 2014, ông C sau khi vay tiền ông H đã không thanh toán tiền lãi

tiền gốc mà ông H phải tự trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Khi ông C chưa trả khoản vay 01 tỷ, khi hai ông đang có rạn nứt trong việc hợp tác làm ăn chung, ông H lại vẫn tiếp tục đứng tên làm thủ tục vay ngân hàng cho ông C 01 tỷ vào năm 2015. Trong các ngày 22, 23, 24, 25 tháng 11 năm 2016 ông H và ông C đã cùng nhau ngồi họp bàn chấm dứt hợp tác làm ăn chung, cùng nhau đối chiếu thanh toán chi tiết các khoản công nợ, tiền vốn, tiền lãi theo từng mục, tính theo từng năm; mà ông H lại không đưa khoản nợ 02 tỷ đồng này vào thanh quyết toán công nợ là một điều vô lý.

Mặt khác 02 hợp đồng tín dụng của ông H vay ngân hàng thì nội dung phiếu chuyển tiền đều ghi nhận là trả tiền mua gỗ. Qua xác minh tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Nam Định – Phòng giao dịch huyện Hải Hậu thì cả hai khoản vay đều đã trả xong.

Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H yêu cầu ông Nguyễn Minh C phải trả cho ông H 02 tỷ đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[4] Do kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H không được chấp nhận nên ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 463, Điều 504, Điều 510, Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 102, Điều 217, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc buộc ông Nguyễn Minh C phải thanh toán 2.100.385.000 đồng (hai tỉ một trăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền hợp tác làm ăn chung và tiền vay nợ.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Xuân H phải nộp 37.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp là 60.622.500 đồng (tại biên lai thu tiền số 09072 ngày 05-10-2017 và biên lai thu tiền số 0002371 ngày 14-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu). Ông Nguyễn Xuân H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 23.422.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp (tại biên lại thu tiền số AA/2016/0000213 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu). Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Mai Hương

Nơi nhận:
- VKS tỉnh NĐ
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.